

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 90/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 9 năm 2020 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị Q – Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Lũng V, xã Ia L, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

- **Bị đơn:** Anh Lê Thành N - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2020;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 21 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đinh Thị Q và anh Lê Thành N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Lê Trọng B, sinh ngày 14 tháng 12 năm 2017 cho anh Lê Thành N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị Đinh Thị Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh Lê Thành N và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về con riêng: Chị Đinh Thị Q có trách nhiệm tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con riêng của chị là cháu Đinh Công T, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2009 và cháu Đinh Công S, sinh ngày 29 tháng 7 năm 2009 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Chị Q không yêu cầu anh Lê Thành N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con riêng cho chị. Về con riêng anh Lê Thành N không có, nên chị Q và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản: Chị Đinh Thị Q và anh Lê Thành N đều xác định không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp, do vậy nay ly hôn chị Q và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Đinh Thị Q nộp án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) để sung ngân sách Nhà nước, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/0002252 ngày 16/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Hoàn trả lại cho chị Đinh Thị Q số tiền là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh T.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung